

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC
TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Báo cáo Tài chính – Công ty mẹ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
đã được kiểm toán

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 – 03
Báo cáo kiểm toán	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 – 34
Bảng cân đối kế toán	05 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 34

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính – Công ty mẹ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 1575/QĐ- BGD&ĐT-TCCB ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số nhà D14-D6, Khu Đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Minh Khang	Chủ tịch
Ông Cán Hữu Hải	Phó chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên	Ủy viên
Ông Hà Sỹ Tuyên	Ủy viên
Ông Bùi Vũ Hùng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Cán Hữu Hải	Giám đốc
Ông Bùi Vũ Hùng	Phó Giám đốc
Ông Phạm Quỳnh	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên	Phó Giám đốc
Ông Hà Sỹ Tuyên	Phó Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát

Ông Lê Xuân Thành	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Tùng	Ủy viên
Bà Trần Thị Uyên	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính – Công ty mẹ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH – CÔNG TY MẸ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính – Công ty mẹ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính – Công ty mẹ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

Cần Hữu Hải
Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2013

Số : /2013/BC.KTTC-AASC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính – Công ty mẹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội*

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính – Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội được lập ngày 25 tháng 02 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 34 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra và áp dụng các thử nghiệm cần thiết theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính – Công ty mẹ đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính – Công ty mẹ về vấn đề sau :
Như đã trình bày tại Thuyết minh số 27: Theo hướng dẫn của Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 thì phần thu nhập của doanh nghiệp có được từ hoạt động xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản sẽ được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động. Tuy nhiên, tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính này do chưa có hướng dẫn cụ thể của các cơ quan chức năng về việc áp dụng nội dung của văn bản nêu trên đối với đặc thù hoạt động của Công ty nên Công ty đang thực hiện tính thuế TNDN phải nộp theo thuế suất hiện hành là 25%.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**

Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV
Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2013

Nguyễn Ngọc Lân
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 1427/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
100	A . TÀI SẢN NGẮN HẠN		149.272.717.148	145.322.871.082
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	62.353.873.772	71.549.722.915
111	1. Tiền		3.443.873.772	1.459.722.915
112	2. Các khoản tương đương tiền		58.910.000.000	70.090.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	8.795.812.102	11.942.654.521
121	1. Đầu tư ngắn hạn		8.795.812.102	11.942.654.521
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		39.234.552.038	36.030.107.075
131	1. Phải thu khách hàng		36.069.238.168	33.414.572.467
132	2. Trả trước cho người bán		437.627.811	350.341.702
135	3. Các khoản phải thu khác	5	4.432.113.338	3.891.864.085
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.704.427.279)	(1.626.671.179)
140	IV. Hàng tồn kho	6	36.783.040.881	24.032.300.861
141	1. Hàng tồn kho		39.216.157.307	25.447.862.618
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.433.116.426)	(1.415.561.757)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.105.438.355	1.768.085.710
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	781.732.308	591.476.934
154	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	126.209.633
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	8	1.323.706.047	1.050.399.143

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		12.676.521.979	25.486.510.322
220	II. Tài sản cố định		725.789.040	13.288.493.556
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	694.114.036	13.235.741.889
222	- Nguyên giá		2.941.300.984	16.514.311.439
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.247.186.948)	(3.278.569.550)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	31.675.004	52.751.667
228	- Nguyên giá		101.800.000	121.800.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(70.124.996)	(69.048.333)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	3.830.000.000	5.230.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		3.080.000.000	3.080.000.000
258	2. Đầu tư dài hạn khác		750.000.000	2.150.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		8.120.732.939	6.968.016.766
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	8.035.732.939	6.883.016.766
268	2. Tài sản dài hạn khác		85.000.000	85.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		161.949.239.127	170.809.381.404

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
300	A . NỢ PHẢI TRẢ		36.626.848.597	61.146.484.389
310	I. Nợ ngắn hạn		36.580.848.597	60.972.973.015
312	1. Phải trả người bán		32.630.825.821	25.805.143.536
313	2. Người mua trả tiền trước		37.775.128	45.753.587
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	459.804.520	1.768.634.177
315	4. Phải trả người lao động		1.261.859.769	2.605.207.117
316	5. Chi phí phải trả	14	1.351.865.662	812.317.219
319	6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	15	211.211.550	29.305.352.650
323	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		627.506.147	630.564.729
330	II. Nợ dài hạn		46.000.000	173.511.374
333	1. Phải trả dài hạn khác		46.000.000	46.000.000
336	2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	127.511.374
400	B . VỐN CHỦ SỞ HỮU		125.322.390.530	109.662.897.015
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	125.322.390.530	109.662.897.015
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		102.194.840.000	102.194.840.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(252.296.518)	(765.000.000)
414	3. Cổ phiếu quỹ		(4.090.206.866)	(6.550.527.860)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		14.778.425.126	2.778.425.126
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		1.539.760.830	1.423.463.735
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		11.151.867.958	10.581.696.014
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		161.949.239.127	170.809.381.404

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
		VND	VND
1. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		433.058.764	-
2. Nợ khó đòi đã xử lý		398.797.116	280.549.366

Vũ Thị Minh Nguyệt
Trưởng phòng kế toán

Cán Hữu Hải
Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	126.918.595.130	96.018.638.315
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18	165.741.375	278.050.405
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	126.752.853.755	95.740.587.910
11	4. Giá vốn hàng bán	20	101.145.006.504	75.759.171.221
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		25.607.847.251	19.981.416.689
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	9.166.095.202	15.252.685.732
22	7. Chi phí tài chính	22	973.129.104	1.412.012.284
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		-	1.352.272.728
24	8. Chi phí bán hàng	23	12.733.501.931	12.414.983.583
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	6.772.081.714	5.705.098.729
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		14.295.229.704	15.702.007.825
31	11. Thu nhập khác	25	29.173.866.713	257.881.224
32	12. Chi phí khác	26	12.582.445.124	14.461.174
40	13. Lợi nhuận khác		16.591.421.589	243.420.050
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		30.886.651.293	15.945.427.875
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	7.256.941.836	3.855.923.072
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		23.629.709.457	12.089.504.803

Vũ Thị Minh Nguyệt
Trưởng phòng kế toán

Cần Hữu Hải
Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2012

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		124.742.626.917	89.299.201.888
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(111.643.163.782)	(79.117.996.526)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(9.790.674.546)	(8.657.375.172)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		-	(1.352.272.728)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(8.148.032.259)	(3.882.991.574)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.217.925.198	658.976.734
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.890.705.108)	(6.455.668.711)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(7.512.023.580)	(9.508.126.089)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(53.440.000)	(100.336.568)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	26.450.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(10.700.000.000)	(11.942.654.521)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		7.210.000.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(290.627.857)	(1.136.621.900)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		452.996.204	336.621.900
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		8.869.026.854	14.317.178.510
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		5.487.955.201	27.924.187.421
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		2.213.953.220	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(190.405.984)	(6.516.927.860)
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(30.000.000.000)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(9.195.328.000)	(7.951.027.200)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(7.171.780.764)	(44.467.955.060)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2012

(Theo phương pháp trực tiếp)

(Tiếp theo)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(9.195.849.143)	(26.051.893.728)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		71.549.722.915	97.601.616.643
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>62.353.873.772</u>	<u>71.549.722.915</u>

Vũ Thị Minh Nguyệt
Trưởng phòng kế toán

Cần Hữu Hải
Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 1575/QĐ- BGD&ĐT- TCCB ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô B1 DN 14/3 Nguyễn Khánh Toàn- Cầu Giấy- Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 102.194.840.000 VND (Một trăm linh hai tỷ một trăm chín mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng). Tương đương 10.210.484 cổ phần.

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 11.

Ngành nghề kinh doanh

Thẻ Giấy đăng ký kinh doanh số 0101493714 ngày 24 tháng 05 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 02 tháng 04 năm 2010, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh sách giáo dục, sách khác, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các xuất bản phẩm khác được phép lưu hành;
- Kinh doanh văn phòng phẩm;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế;
- Sản xuất, mua bán thiết bị dạy học;
- Xây dựng nhà, văn phòng (chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Hoạt động kinh doanh bất động sản: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sở dụng hoặc đi thuê;
- In ấn và dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục và đào tạo: Giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép), dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ: tư vấn công nghệ, tư vấn môi trường (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền năm.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
▪ Máy móc, thiết bị	05 – 10 năm
▪ Phương tiện vận tải	06 – 10 năm
▪ Thiết bị văn phòng	03 – 05 năm
▪ Phần mềm quản lý	10 năm

2.8. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế khác: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế khác.

2.9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Đối với chi phí bán thảo Công ty đang thực hiện phân bổ vào giá thành theo sản lượng sách nhập kho. Trong trường hợp số phân bổ tính theo phương pháp phân bổ theo thời gian lớn hơn phương pháp phân bổ theo sản lượng thì phần chênh lệch sẽ được ghi nhận thẳng vào giá vốn hàng bán. Trong trường hợp ngược lại sẽ không thực hiện hạch toán điều chỉnh giá vốn hàng bán.

Đối với thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, Công ty đang thực hiện phân bổ vào giá vốn hàng bán theo tỷ lệ giữa Giá xuất kho của các loại sách không chịu thuế và tổng giá trị tồn kho đầu kỳ cộng giá trị nhập kho trong kỳ của các loại sách không chịu thuế.

Các khoản chi phí trả trước khác được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng.

2.11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.13. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.14. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.15. Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

Theo hướng dẫn của Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 thì phần thu nhập của doanh nghiệp có được từ hoạt động xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản sẽ được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động. Tuy nhiên, tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính này do chưa có hướng dẫn cụ thể của các cơ quan chức năng về việc áp dụng nội dung của văn bản nêu trên đối với đặc thù hoạt động của Công ty nên Công ty đang áp dụng thuế suất thuế TNDN hiện hành là 25%. Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh Báo cáo tài chính khi có hướng dẫn cụ thể của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	380.636.170	124.505.604
Tiền gửi ngân hàng	3.063.237.602	1.335.217.311
Các khoản tương đương tiền	58.910.000.000	70.090.000.000
	62.353.873.772	71.549.722.915

Chi tiết các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại 31/12/2012, như sau:

	31/12/2012
	VND
- Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Quân đội - PGD Nghĩa Tân	13.910.000.000
- Ngân hàng Maritime Bank - Sở Giao dịch 44 Nguyễn Du	45.000.000.000
	58.910.000.000

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn ^[1]	290.627.857	-
Đầu tư ngắn hạn khác	8.505.184.245	11.942.654.521
- Cho Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam vay ^[2]	4.705.184.245	7.132.654.521
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội	-	310.000.000
- Cho Công ty Cổ phần In Khoa học Công nghệ Hà Nội vay	-	4.500.000.000
- Cho Công ty CP In và Phát hành sách Việt Nam vay ^[3]	2.300.000.000	-
- Cho Công ty Cổ phần sách Dân tộc vay ^[4]	1.500.000.000	-
	8.795.812.102	11.942.654.521

^[1] Là khoản đầu tư chứng khoán EFI với số lượng tại thời điểm 31/12/2012 là 50.000 Cổ phiếu.

^[2] Hợp đồng vay vốn số 01-2009/NXBGDVN-TH ngày 26/02/2010 với những nội dung như sau:

- Tổng số tiền cho vay: 20.000.000.000 VND;
- Thời gian vay vốn: Tối đa 03 tháng kể từ ngày chuyển tiền cho vay; Thời gian vay vốn gia hạn theo từng phụ

- lục của Hợp đồng;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Phục vụ kinh doanh và đầu tư;
 - Tài sản đảm bảo tiền vay: Tín chấp;
 - Lãi suất cho vay: 13%/năm tại thời điểm ký Hợp đồng; Lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ và theo phụ lục Hợp đồng;
 - Tiền lãi vay: Tính trên cơ sở số tiền vay và thời gian vay thực tế; Bên cho vay xuất hóa đơn khoản lãi vay vốn hàng tháng;
 - Thanh toán tiền gốc: Do bên vay chủ động trong thời hạn của Hợp đồng.

^[3] Hợp đồng vay vốn số 01-2012/SGDHN ngày 03/01/2012 với những nội dung như sau:

- Tổng số tiền cho vay: 8.500.000.000 VND;
- Thời hạn cho vay: Tối đa 01 năm, kể từ ngày chuyển tiền;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Kinh doanh In và Phát hành sách;
- Hình thức bảo đảm hợp đồng vay: Tín chấp;
- Lãi suất cho vay: 17%/năm, lãi suất có thể thay đổi theo thị trường và sự thỏa thuận của các bên;
- Lãi suất phạt quá hạn: 150% lãi suất cho vay;
- Cách thức tính lãi: Tính trên cơ sở số ngày vay và thời gian vay thực tế;
- Thời điểm thanh toán tiền lãi: Ngày 05 hàng tháng thanh toán tiền lãi của tháng trước;
- Thời điểm thanh toán gốc: Do bên vay chủ động trong thời hạn của Hợp đồng.

^[4] Hợp đồng vay vốn số 03/2011/SGDHN ngày 13/11/2011 với những nội dung như sau:

- Tổng số tiền cho vay: 2.000.000.000 VND;
- Thời hạn cho vay: Tối đa 03 tháng, kể từ ngày 13/12/2011 đến ngày 13/3/2012; Gia hạn thời hạn cho vay theo phụ lục Hợp đồng;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Lãi suất: 17%/năm; có thể thay đổi 03 tháng/lần cho phù hợp với thị trường và thỏa thuận của các bên;
- Lãi suất phạt quá hạn: 150% lãi suất cho vay;
- Cách thức tính lãi: Tính trên cơ sở số tiền, số ngày vay và thời gian vay thực tế;
- Thời điểm thanh toán tiền lãi: Ngày 05 hàng tháng thanh toán tiền lãi của tháng trước;
- Thời điểm thanh toán gốc: Do bên vay chủ động trong thời hạn của Hợp đồng.

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, cổ tức, lợi nhuận được chia	1.232.575.570	935.507.222
Phải thu khác	3.199.537.768	2.956.356.863
- Phải thu về tiền góp vốn xin cấp đất làm nhà kho tại xã Tiên Dương - Đông Anh - Hà Nội ^[1]	1.915.500.000	1.915.500.000
- Phải thu về tiền góp vốn Dự án Trung tâm xuất bản - Phát hành SGK ^[2]	200.000.000	200.000.000
- Phải thu Ông Trần Đức Quỳnh theo hợp đồng môi giới nhà đất	-	100.000.000
- Phải thu về tiền thuế TNDN tạm nộp 2% của hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	579.000.000
- Phải thu về tiền bán Cổ phiếu quỹ chưa về tài khoản	949.477.240	-
- Phải thu các đối tượng khác	134.560.528	161.856.863
	4.432.113.338	3.891.864.085

^[1] Theo Hợp đồng góp vốn số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 theo hình thức tài sản đồng kiểm soát giữa Công ty

Cổ phần in Sách giáo khoa tại TP Hà Nội và các bên là: Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục tại Hà Nội; Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội; Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc; Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt bằng sản xuất. Theo đó, Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội là đơn vị đại diện thực hiện các thủ tục và theo dõi chi phí của dự án.

- Địa điểm thực hiện tại: Xã Tiên Dương – huyện Đông Anh – thành phố Hà Nội. Diện tích khu đất là 7.662 m².
- Mục đích sử dụng đất: Dùng làm kho, xưởng sản xuất của các bên liên quan.
- Tổng vốn góp dự kiến: 7.662.000.000 VND, trong đó: Phần góp vốn của Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội là 25% tương đương: 1.915.500.000 VND.

^[2] Đây là khoản tiền góp vốn của Công ty để cùng thực hiện dự án: “Xây dựng Trung tâm xuất bản – Phát hành Sách giáo khoa” theo Hợp đồng góp vốn số 1E/2010/HĐGV ngày 08/07/2010 với Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	13.717.680.570	2.444.397.885
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.291.513.439	1.984.849.411
Thành phẩm	12.886.758.948	15.159.370.848
Hàng hoá	4.165.933.298	5.099.771.754
Hàng gửi đi bán	1.154.271.052	759.472.720
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.433.116.426)	(1.415.561.757)
	36.783.040.881	24.032.300.861

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế GTGT không được khấu trừ chờ kết chuyển	781.732.308	591.476.934
	781.732.308	591.476.934

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	509.879.200	568.702.300
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	813.826.847	481.696.843
	1.323.706.047	1.050.399.143

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	13.482.599.728	37.142.856	2.468.394.872	526.173.983	16.514.311.439
Số tăng trong năm	-	25.490.000	260.000.000	27.950.000	313.440.000
- <i>Mua trong năm</i>	-	25.490.000	260.000.000	27.950.000	313.440.000
Số giảm trong năm	(13.482.599.728)	-	(403.850.727)	-	(13.886.450.455)
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	(13.482.599.728)	-	(403.850.727)	-	(13.886.450.455)
Số dư cuối năm	-	62.632.856	2.324.544.145	554.123.983	2.941.300.984
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.071.748.546	31.066.487	1.761.090.337	414.664.180	3.278.569.550
Số tăng trong năm	-	5.306.122	267.422.588	171.487.961	444.216.671
- <i>Khấu hao trong năm</i>	-	5.306.122	267.422.588	171.487.961	444.216.671
Số giảm trong năm	(1.071.748.546)	-	(403.850.727)	-	(1.475.599.273)
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	(1.071.748.546)	-	(403.850.727)	-	(1.475.599.273)
Số dư cuối năm	-	36.372.609	1.624.662.198	586.152.141	2.247.186.948
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	12.410.851.182	6.076.369	707.304.535	111.509.803	13.235.741.889
Tại ngày cuối năm	-	26.260.247	699.881.947	(32.028.158)	694.114.036

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 385.645.106 VND.

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền, Bảng sáng chế VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	20.000.000	101.800.000	121.800.000
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	(20.000.000)	-	(20.000.000)
- Thanh lý, nhượng bán	(20.000.000)		(20.000.000)
Số dư cuối năm	-	101.800.000	101.800.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	13.883.333	55.165.000	69.048.333
Khấu hao trong năm	2.000.000	14.959.996	16.959.996
- Khấu hao trong năm	2.000.000	14.959.996	16.959.996
Số giảm trong năm	(15.883.333)	-	(15.883.333)
- Giảm khác	(15.883.333)		(15.883.333)
Số dư cuối năm	-	70.124.996	70.124.996
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	6.116.667	46.635.000	52.751.667
Tại ngày cuối năm	-	31.675.004	31.675.004

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Đầu tư vào công ty con	3.080.000.000	3.080.000.000
- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Cao Bằng	1.980.000.000	1.980.000.000
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường phổ thông Công nghệ Giáo dục	1.100.000.000	1.100.000.000
Đầu tư dài hạn khác	750.000.000	2.150.000.000
- Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	750.000.000	750.000.000
- Viện nghiên cứu giáo dục ^[1]	-	1.400.000.000
	3.830.000.000	5.230.000.000

^[1]Theo Biên bản số 1997/BB-NXBGDVN ngày 20/11/2012 về việc quyết toán vốn góp vào viện Công nghệ Giáo dục, các bên đã thống nhất quyết toán, chấm dứt đầu tư và phân bổ số chi phí đầu tư cho các bên. Trong đó, chi phí phân bổ cho Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội là 947.003.796 VND. Số chi phí này đã được Công ty hạch toán vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ. Số tiền còn lại của khoản đầu tư là 452.996.204 VND đã được hoàn trả bằng tiền mặt vào tháng 12 năm 2012.

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2012 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt	Tỷ lệ lợi ích	TL biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Cao Bằng	Cao Bằng	55%	55%	Mua bán sách, tạp chí, bản đồ, giấy viết, dụng cụ học tập...
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ Giáo dục (*)	Hà Nội	100%	100%	Bán buôn sách, báo, tạp chí được phép lưu hành, VPP...

(*) Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 14/06/2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ Giáo dục là 50 tỷ VND. Theo Biên bản làm việc ngày 18/06/2010, Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội sẽ thực hiện góp vốn bằng 65% Vốn điều lệ tương ứng với số tiền : 32,5 tỷ VND. Tuy nhiên, tại thời điểm 31/12/2012 mới chỉ có duy nhất Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội thực hiện góp vốn với số tiền là 1,1 tỷ VND và trực tiếp tham gia điều hành. Do đó tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại thời điểm 31/12/2012 được xác định là 100%.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Số dư đầu năm	6.883.016.766	7.835.996.610
Số tăng trong năm	11.371.211.309	8.585.199.698
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(10.218.495.136)	(9.538.179.542)
	8.035.732.939	6.883.016.766

Trong đó chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí bán thảo	4.030.051.121	6.883.016.766
Chi phí thuê kho	4.005.681.818	-
	8.035.732.939	6.883.016.766

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	137.317.411	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	183.581.698	1.653.672.121
Thuế thu nhập cá nhân	138.905.411	114.962.056
	459.804.520	1.768.634.177

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Trích trước chi phí thương doanh số và hoa hồng môi giới	1.124.544.150	697.140.505
Chi phí bản thảo và phí phát hành	139.857.582	115.176.714
Trích trước chi phí bảo trì cập nhật phần mềm	50.000.000	-
Chi phí phải trả khác	37.463.930	-
	1.351.865.662	812.317.219

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	85.659.785	154.621.618
Bảo hiểm xã hội	-	49.688.920
Các khoản phải trả, phải nộp khác	125.551.765	29.101.042.112
- <i>Phải trả ông Như Văn Quang</i>	-	28.950.000.000
- <i>Cổ tức phải trả chủ sở hữu</i>	16.484.600	13.028.600
- <i>Phải trả, phải nộp khác</i>	109.067.165	138.013.512
	211.211.550	29.305.352.650

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	102.194.840.000	(765.000.000)	(33.600.000)	2.778.425.126	1.302.568.687	8.377.539.179	113.854.772.992
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(6.516.927.860)	-	-	-	(6.516.927.860)
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	12.089.504.803	12.089.504.803
Trả cổ tức năm 2010	-	-	-	-	-	(7.951.027.200)	(7.951.027.200)
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	120.895.048	(120.895.048)	-
Trả thù lao của Hội đồng quản trị	-	-	-	-	-	(604.475.240)	(604.475.240)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.208.950.480)	(1.208.950.480)
Số dư đầu năm nay	102.194.840.000	(765.000.000)	(6.550.527.860)	2.778.425.126	1.423.463.735	10.581.696.014	109.662.897.015
Bán cổ phiếu quỹ	-	512.703.482	2.650.726.978	-	-	-	3.163.430.460
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(190.405.984)	-	-	-	(190.405.984)
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	23.629.709.457	23.629.709.457
Trả cổ tức năm 2011	-	-	-	-	-	(9.198.784.000)	(9.198.784.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	12.000.000.000	116.297.095	(12.116.297.095)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.744.456.418)	(1.744.456.418)
Số dư cuối năm nay	102.194.840.000	(252.296.518)	(4.090.206.866)	14.778.425.126	1.539.760.830	11.151.867.958	125.322.390.530

Công ty đã thực hiện tạm phân phối các quỹ năm 2012 theo Nghị quyết số 58/SGDHN của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 11/05/2012 và Nghị quyết số 08/HĐQT-SGDHN ngày 20/12/2012 của Hội Đồng Quản trị Công ty, cụ thể như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế		23.629.709.457
Trích Quỹ Đầu tư phát triển		12.000.000.000
Lợi nhuận còn lại sau trích quỹ Đầu tư phát triển	100%	11.629.709.457
Trích Quỹ Dự phòng tài chính	1%	116.297.095
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15%	1.744.456.418
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối		9.768.955.944

Việc trích lập các quỹ như trên có thể thay đổi khi Đại hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2013 thông qua kết quả kinh doanh của năm 2012.

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	102.194.840.000	102.194.840.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	102.194.840.000	102.194.840.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9.198.784.000	7.951.027.200
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>9.198.784.000</i>	<i>7.951.027.200</i>

d) Cổ phiếu

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.219.484	10.219.484
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.219.484	10.219.484
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.219.484</i>	<i>10.219.484</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	619.300	990.400
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>619.300</i>	<i>990.400</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.600.184	9.229.084
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.600.184</i>	<i>9.229.084</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

17. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	126.853.140.586	95.975.001.951
- <i>Doanh thu Sách Giáo khoa</i>	1.787.065.740	785.438.665
- <i>Doanh thu Sách Tham khảo</i>	90.409.748.616	81.879.743.737
- <i>Doanh thu Sách Bổ trợ</i>	10.941.090.432	-
- <i>Doanh thu thiết bị giáo dục</i>	17.060.133.707	9.314.874.000
- <i>Doanh thu bán vật tư</i>	644.848.602	56.781.431
- <i>Doanh thu Văn phòng phẩm</i>	3.101.010.784	2.411.634.286
- <i>Doanh thu nổi bản in tài liệu, xuất bản thảo</i>	2.909.242.705	1.526.529.832
Doanh thu cung cấp dịch vụ	65.454.544	43.636.364
	126.918.595.130	96.018.638.315

18. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại Sách tham khảo	165.741.375	278.050.405
	165.741.375	278.050.405

19. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	126.687.399.211	95.696.951.546
- <i>Doanh thu Sách Giáo khoa</i>	1.787.065.740	785.438.665
- <i>Doanh thu Sách Tham khảo</i>	90.244.007.241	81.601.693.332
- <i>Doanh thu Sách Bổ trợ</i>	10.941.090.432	-
- <i>Doanh thu thiết bị giáo dục</i>	17.060.133.707	9.314.874.000
- <i>Doanh thu bán vật tư</i>	644.848.602	56.781.431
- <i>Doanh thu Văn phòng phẩm</i>	3.101.010.784	2.411.634.286
- <i>Doanh thu nổi bản in tài liệu, xuất bản thảo</i>	2.909.242.705	1.526.529.832
Doanh thu cung cấp dịch vụ	65.454.544	43.636.364
	126.752.853.755	95.740.587.910

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	100.127.451.835	75.315.105.900
- <i>Doanh thu Sách Giáo khoa</i>	<i>1.522.254.989</i>	<i>621.418.501</i>
- <i>Doanh thu Sách Tham khảo</i>	<i>69.332.592.341</i>	<i>63.531.795.036</i>
- <i>Doanh thu Sách Bổ trợ</i>	<i>8.763.530.652</i>	-
- <i>Doanh thu thiết bị giáo dục</i>	<i>16.360.708.642</i>	<i>9.002.799.000</i>
- <i>Doanh thu bán vật tư</i>	<i>635.156.624</i>	<i>86.236.207</i>
- <i>Doanh thu Văn phòng phẩm</i>	<i>2.149.392.800</i>	<i>1.861.375.956</i>
- <i>Doanh thu nổi bản in tài liệu, xuất bản thảo</i>	<i>1.363.815.787</i>	<i>211.481.200</i>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.017.554.669	444.065.321
	101.145.006.504	75.759.171.221

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.894.095.202	8.011.114.461
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	28.037.319
Cổ tức, lợi nhuận được chia	272.000.000	155.500.000
Lãi hoạt động ủy thác đầu tư	-	7.058.033.952
	9.166.095.202	15.252.685.732

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	1.352.272.728
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	947.003.796	-
Chi phí ủy thác đầu tư	25.932.808	59.695.556
Chi phí tài chính khác	192.500	44.000
	973.129.104	1.412.012.284

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	54.739.150	54.486.083
Chi phí nhân công	5.040.700.426	6.628.416.650
Chi phí khấu hao tài sản cố định	195.562.341	172.137.406
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.180.025.636	3.438.945.034
Chi phí khác bằng tiền	2.262.474.378	2.120.998.410
	12.733.501.931	12.414.983.583

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.118.389	10.465.756
Chi phí nhân công	3.004.427.371	3.165.437.858
Chi phí khấu hao tài sản cố định	265.614.326	501.090.401
Thuế phí, lệ phí	8.280.000	9.000.000
Chi phí dự phòng	204.559.091	60.517.580
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.424.535.751	402.846.153
Chi phí khác bằng tiền	1.861.546.786	1.555.740.981
	6.772.081.714	5.705.098.729

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ ^[1]	28.980.716.409	-
Thu nhập khác	193.150.304	257.881.224
	29.173.866.713	257.881.224

26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá trị còn lại của Tài sản cố định thanh lý ^[1]	12.410.851.182	-
Chi phí khác	171.593.942	14.461.174
	12.582.445.124	14.461.174

^[1] Trong đó, Thu nhập với số tiền: 28.751.625.500 VND và Giá trị còn lại của tài sản thanh lý với số tiền: 12.410.851.182 VND là của hợp đồng bán Căn hộ chung cư đã được công chứng xác nhận ngày 04/11/2011, Công ty thực hiện chuyển nhượng tòa nhà 5 tầng (Căn hộ 103,203,303, 403, 503 tại Lô B1, DN 14/3 Khu đô thị Nghĩa Đô, Đường Nguyễn Khánh Toàn, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội - là Văn phòng cũ của Công ty) cho Ông Như Văn Quang.

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30.886.651.293	15.945.427.875
- Lợi nhuận của hoạt động kinh doanh	14.713.354.250	15.945.427.875
- Lợi nhuận của hoạt động chuyển nhượng Bất động sản	16.173.297.043	-
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	48.226.807	96.774.171
- Các khoản điều chỉnh tăng	320.226.807	252.274.171
- Các khoản điều chỉnh giảm	(272.000.000)	(155.500.000)
Tổng lợi nhuận kế toán tính thuế	30.934.878.100	16.042.202.046
- Lợi nhuận tính thuế của hoạt động kinh doanh	14.761.581.057	16.042.202.046
- Lợi nhuận tính thuế của hoạt động chuyển nhượng Bất động sản	16.173.297.043	-
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp ^[1]	25%	25%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	7.733.719.526	4.010.550.512
- Hoạt động kinh doanh	3.690.395.265	4.010.550.512
- Hoạt động chuyển nhượng Bất động sản	4.043.324.261	-
Thuế TNDN hoạt động kinh doanh chính được giảm ^[2]	(476.777.690)	(154.627.440)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.256.941.836	3.855.923.072
Các khoản điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN hiện hành năm nay	(579.000.000)	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	1.653.672.121	1.101.740.623
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(8.148.032.259)	(3.882.991.574)
Thuế TNDN chuyển nhượng BĐS 2% tạm nộp trong năm	-	579.000.000
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	183.581.698	1.653.672.121

^[1]Theo hướng dẫn của Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 thì phần thu nhập của doanh nghiệp có được từ hoạt động xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản sẽ được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động. Tuy nhiên, tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính này do chưa có hướng dẫn cụ thể của các cơ quan chức năng về việc áp dụng nội dung của văn bản nêu trên đối với đặc thù hoạt động của Công ty nên Công ty đang áp dụng thuế suất thuế TNDN hiện hành là 25%. Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh Báo cáo tài chính khi có hướng dẫn cụ thể của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

^[2]Công ty được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp năm 2012 do là Doanh nghiệp nhỏ và vừa theo hướng dẫn của Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21/08/2012 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 của Quốc hội về ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân.

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.635.676.403	11.059.445.519
Chi phí nhân công	8.045.127.797	9.793.854.508
Chi phí khấu hao tài sản cố định	461.176.667	673.227.807
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.519.946.937	22.767.412.592
Chi phí khác bằng tiền	4.336.860.255	3.746.256.971
	59.998.788.059	48.040.197.397

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2012		01/01/2012	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	62.353.873.772	-	71.549.722.915	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	40.501.351.506	(1.704.427.279)	37.306.436.552	(1.626.671.179)
Các khoản cho vay	8.505.184.245	-	11.942.654.521	-
Đầu tư ngắn hạn	290.627.857	-	-	-
Đầu tư dài hạn	750.000.000	-	750.000.000	-
Cộng	112.401.037.380	(1.704.427.279)	121.548.813.988	(1.626.671.179)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	32.888.037.371	55.156.496.186
Chi phí phải trả	1.351.865.662	812.317.219
Cộng	34.239.903.033	55.968.813.405

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	62.353.873.772	-	-	62.353.873.772
Phải thu khách hàng, phải thu khác	38.796.924.227	-	-	38.796.924.227
Các khoản cho vay	8.505.184.245	-	-	8.505.184.245
Đầu tư ngắn hạn	290.627.857	-	-	290.627.857
Đầu tư dài hạn	-	750.000.000	-	750.000.000
Cộng	109.946.610.101	750.000.000	-	110.696.610.101
Tại ngày 01/01/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	71.549.722.915	-	-	71.549.722.915
Phải thu khách hàng, phải thu khác	35.679.765.373	-	-	35.679.765.373
Các khoản cho vay	11.942.654.521	-	-	11.942.654.521
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	750.000.000	-	750.000.000
Cộng	119.172.142.809	750.000.000	-	119.922.142.809

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2012				
Phải trả người bán, phải trả khác	32.842.037.371	46.000.000	-	32.888.037.371
Chi phí phải trả	1.351.865.662	-	-	1.351.865.662
Cộng	34.193.903.033	46.000.000	-	34.239.903.033
Tại ngày 01/01/2012				
Phải trả người bán, phải trả khác	55.110.496.186	46.000.000	-	55.156.496.186
Chi phí phải trả	812.317.219	-	-	812.317.219
Cộng	55.922.813.405	46.000.000	-	55.968.813.405

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30. CÁC KHOẢN TIỀN DO DOANH NGHIỆP NẮM GIỮ NHƯNG KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Các khoản tiền và tương đương tiền do Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng	814.551.798	-

Là các khoản tiền theo các Hợp đồng cấp bảo lãnh giữa Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Sở giao dịch và Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội.

31. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

32. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh sách và thiết bị giáo dục, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản.

Toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Góp vốn vào Công ty			
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ Giáo dục	Công ty Con	-	800.000.000
Doanh thu bán hàng			
Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	Ảnh hưởng đáng kể	152.081.516	242.670.801
Nhà xuất bản giáo dục tại Hà Nội	Trực thuộc NXBGD	29.670.000	-
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Cao Bằng	Công ty Con	465.377.955	1.576.075.132
Cổ tức được chia			
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Cao Bằng	Công ty Con	77.000.000	88.000.000
Trả cổ tức			
Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	Ảnh hưởng đáng kể	592.800.000	592.800.000
Cho vay vốn			
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ Giáo dục	Công ty con	200.000.000	-
Mua hàng hóa dịch vụ			
Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	Ảnh hưởng đáng kể	575.169.921	4.832.765.262
Nhà xuất bản giáo dục tại Hà Nội	Trực thuộc NXBGD	1.288.377.201	838.300.275
Nhà xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Trực thuộc NXBGD	6.571.428	46.101.298
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ Giáo dục	Công ty con	36.274.882	-
Lãi vay phải thu			
Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	Ảnh hưởng đáng kể	808.475.264	1.877.534.314
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ Giáo dục	Công ty con	8.767.123	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu			
Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	Ảnh hưởng đáng kể	818.937.851	654.013.436
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Cao Bằng	Công ty con	369.377.905	856.785.241
Phải thu về vốn cho vay			
Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	Ảnh hưởng đáng kể	4.705.184.245	7.132.654.521
Phải trả			
Nhà xuất bản giáo dục tại Hà Nội	Trực thuộc NXBGD	10.383.600	1.251.478.304
Nhà xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Trực thuộc NXBGD	148.002.860	291.238.490
Nhà xuất bản giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Trực thuộc NXBGD	75.563.700	125.563.700

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	1.874.754.404	1.485.194.620

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được Công ty TNHH Dịch Vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay, do phân loại lại khoản đầu tư vào Viện Nghiên cứu Giáo dục số tiền: 1.400.000.000 VND từ khoản mục Phải thu khác sang khoản mục Đầu tư dài hạn khác, cụ thể như sau:

	Mã số	Phân loại lại	Đã trình bày trên báo cáo năm trước
		VND	VND
a/ Bảng Cân đối kế toán			
Các khoản phải thu khác	135	3.891.864.085	5.291.864.085
Đầu tư dài hạn khác	258	2.150.000.000	750.000.000

Vũ Thị Minh Nguyệt
Trưởng phòng kế toán

Cần Hữu Hải
Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2013